

CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Lô số 46, Đường số 3, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV/ 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266,238,649,849	374,746,016,813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19,159,494,638	22,998,367,628
1. Tiền	111		19,139,494,638	17,998,367,628
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000	5,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,559,260,000	510,260,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1,559,260,000	510,260,000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59,605,579,961	35,539,023,464
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45,919,812,190	31,308,137,696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11,067,450,153	2,536,886,200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2,487,255,914	3,398,284,097
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137		-	(1,760,318,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		131,061,704	56,033,471
IV Hàng tồn kho	140		183,225,397,128	309,977,150,227
1. Hàng tồn kho	141	V.6	183,225,397,128	310,100,671,175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(123,520,948)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,688,918,122	5,721,215,494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,755,195,342	1,219,571,439
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		933,722,780	4,501,644,055
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79,857,695,084	68,041,970,925
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn khác	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34,637,369,879	25,661,934,756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33,998,522,246	24,977,091,864
<i>Nguyên giá</i>	222		57,765,081,580	44,313,552,420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(23,766,559,334)	(19,336,460,556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	638,847,633	684,842,892
<i>Nguyên giá</i>	228		1,044,839,869	1,044,839,869
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(405,992,236)	(359,996,977)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		8,581,901,362	5,097,720,586
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	8,581,901,362	5,097,720,586
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		435,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		435,000,000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		36,203,423,843	37,282,315,583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	35,882,361,717	36,946,691,952
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		228,217,726	242,779,231
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		92,844,400	92,844,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		346,096,344,933	442,787,987,738

N.03
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 KỸ THUẬT
 VÀ Ô TÔ
 TRƯỜNG
 LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		121,452,588,612	235,341,861,547
I. Nợ ngắn hạn	310		120,311,499,983	234,238,319,589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	73,194,892,173	151,561,350,664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,111,662,378	58,580,669,589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6,796,282,844	9,755,062,713
4. Phải trả người lao động	314		7,913,489,379	5,654,894,795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,337,688,181	88,978,117
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2,242,025,418	3,223,017,143
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		11,466,000,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			34,063,958
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	5,249,459,610	5,340,282,610
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1,141,088,629	1,103,541,958
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13	1,141,088,629	1,103,541,958
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ cho thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224,643,756,321	207,446,126,191
I. Vốn chủ sở hữu	410		224,643,756,321	207,446,126,191
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	120,000,000,000	80,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			

1384
CÔNG T
PH
JÁT V
ỨNG L
TPH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	104,643,756,321	127,446,126,191
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87,446,126,191	32,108,236,432
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,197,630,130	95,337,889,759
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		346,096,344,933	442,787,987,738

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2017

Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng




Lã Thị Thanh Phương
P.Giám đốc điều hành




CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV/2016**
(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	288,664,345,525	445,851,883,091	1,217,338,767,084	1,706,708,829,933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-	-	(22,727,272)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	288,664,345,525	445,851,883,091	1,217,338,767,084	1,706,686,102,661
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	261,457,481,668	394,054,081,115	1,098,813,154,541	1,508,912,192,489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27,206,863,857	51,797,801,976	118,525,612,543	197,773,910,172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,690,551	335,421,484	1,084,451,360	1,103,756,855
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	789,867,638	308,472,263	1,908,924,423	870,375,933
Trong đó: chi phí lãi vay	23		375,393,854	5,775,575	794,868,183	92,736,870
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11,847,962,317	12,686,236,140	44,657,031,010	33,396,456,547
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,830,171,395	8,463,977,709	21,461,809,854	23,770,253,961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,761,553,058	30,674,537,348	51,582,298,616	140,840,580,586
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,604,491,768	12,195,833,811	17,479,414,030	33,435,039,335
12. Chi phí khác	32		65,360,805	2,800,290	322,283,346	647,380,688
13. Lợi nhuận khác	40		3,539,130,963	12,193,033,521	17,157,130,684	32,787,658,647
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,300,684,021	42,867,570,869	68,739,429,300	173,628,239,233
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,129,924,242	9,541,680,750	15,527,237,665	38,351,702,446
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52		(14,561,505)	47,727,656	(14,561,505)	61,352,972
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8,156,198,274</u>	<u>33,373,617,775</u>	<u>53,197,630,130</u>	<u>135,337,889,759</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>680</u>	<u>781</u>	<u>4,433</u>	<u>11,278</u>


 Đặng Thị Thanh Hiếu
 Người lập


 Trần Thu Hằng
 Kế toán trưởng

M.S.Đ. 0301384695 - C.T.C.P.
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ
 TRƯỜNG LONG
 Q. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017.

 Lê Thị Thanh Phương
 P. Giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68,739,429,300	173,628,239,233
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,476,094,037	4,032,155,749
- Các khoản dự phòng	03		(1,917,902,906)	403,390,728
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(187,218,010)	47,782,008
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(808,466,633)	(810,549,470)
- Chi phí lãi vay	06		794,867,982	92,736,295
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			71,096,803,770	177,393,754,543
trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,736,720,098)	27,403,199,143
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		126,875,274,047	(159,132,130,142)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(162,721,700,237)	32,972,735,429
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		528,706,332	389,682,988
- Tiền lãi vay đã trả	13		(794,867,982)	(92,736,295)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		21,964,076,595	(35,195,485,610)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(90,823,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38,120,749,427	43,739,020,056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16,935,709,936)	(20,848,155,724)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(1,484,000,000)	45,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Thay đổi tiền gửi ngắn hạn	25		-	(510,260,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,019,439,733	933,462,595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,400,270,203)	(20,379,498,584)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		99,622,795,337	38,670,819,937
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(88,156,795,337)	(38,670,819,937)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36,000,000,000)	(71,799,896,250)



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2016

Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	(3,813,520,776)	(48,440,374,778)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22,998,367,628	71,438,742,406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25,352,214)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	19,159,494,638	22,998,367,628

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 1 năm 2017

Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng



Lá Thị Thanh Phương
P. Giám đốc điều hành

03013
CÔN
CỔ I
Y THUA
TRUỒI
Y TÁN.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại, Đại lý ký gởi hàng hóa, Dịch vụ thương mại, Cho thuê xe các loại, Sửa chữa ô tô, Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ, Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí, Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ, Đại lý bảo hiểm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 344 nhân viên đang làm việc.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty có 401 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006 QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200") cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3469
G T
H A
T V A
G L C
T. P. H C

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không trích khấu hao cho chi phí quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

5-C.T.
N
Ô TÔ
NG
CHI M

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan trực tiếp tới đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2014 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 đến 47 năm.

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ khi cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	537,281,921	191,562,515
Tiền gửi ngân hàng	18,602,212,717	17,806,805,113
Các khoản tương đương tiền	20,000,000	5,000,000,000
Cộng	<u>19,159,494,638</u>	<u>22,998,367,628</u>

2. Đầu tư ngắn hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	27,904,661,824	13,260,167,592
b) Phải thu Công ty LD TNHH Hino Motors VN	2,582,382,366	7,513,230,104
c) Phải thu CT TNHH ĐT và DL Hòa Bình Xanh	-	8,020,000,000
d) Phải thu Phải thu Công ty Cổ phần Xây Dựng Lắp máy Trung Nam	15,432,768,000	
e) Phải thu khách hàng dài hạn	-	2,514,740,000
Cộng	<u>45,919,812,190</u>	<u>31,308,137,696</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) VSIP Bắc Ninh	7,839,022,158	-
b) XN Cơ khí Ô tô An Lạc	1,404,000,000	-
c) Trả trước tiền cho nhà thầu xây dựng	-	1,231,628,200
d) Các nhà cung cấp khác	1,824,427,995	1,305,258,000
Cộng	<u>11,067,450,153</u>	<u>2,536,886,200</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP TV DV TM địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	384,913,311	384,913,311
Tạm ứng	954,288,434	1,460,047,180
Ký quỹ, ký cược	135,263,000	174,500,000
Lãi dự thu	106,710,230	317,683,330
Phải thu CT TNHH TM Hino Motors VN	480,000,000	920,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	426,080,939	141,140,276
Cộng	<u>2,487,255,914</u>	<u>3,398,284,097</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	60,752,219,011	171,195,631,819
Công cụ, dụng cụ	270,005,164	481,168,212
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45,517,276,797	62,627,112,844
Thành phẩm	65,689,899,745	66,183,091,364
Hàng hóa	86,643,971	122,207,086
Hàng đi trên đường	7,431,199,999	9,491,459,850
Hàng gửi bán	3,478,152,441	-
Cộng	183,225,397,128	310,100,671,175

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1,755,195,342	1,219,571,439
- Chi phí văn phòng	1,294,403,248	595,448,594
- Chi phí Công cụ dụng cụ	460,792,094	624,122,845
b) Dài hạn	35,882,361,717	36,946,691,952
- Chi phí văn phòng	683,811,157	963,381,737
- Chi phí Công cụ dụng cụ	590,282,755	407,156,982
- Chi phí đất trả trước	34,608,267,805	35,576,153,233

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28,556,813,362	4,628,518,164	10,781,411,840	311,936,054	34,873,000	44,313,552,420
Mua sắm mới	9,223,949,625	1,836,675,090	1,972,993,445	417,911,000	-	13,451,529,160
Số cuối kỳ	37,780,762,987	6,465,193,254	12,754,405,285	729,847,054	34,873,000	57,765,081,580
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1,562,434,053	1,699,059,429	909,647,241	175,455,147	34,873,000	4,381,468,870
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13,737,435,126	3,357,490,109	1,997,776,612	208,885,709	34,873,000	19,336,460,556
Khấu hao trong kỳ	2,495,914,448	400,625,715	1,427,620,603	105,938,012	-	4,430,098,778
Số cuối kỳ	16,233,349,574	3,758,115,824	3,425,397,215	314,823,721	34,873,000	23,766,559,334
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	14,819,378,236	1,271,028,055	8,783,635,228	103,050,345	-	24,977,091,864
Số cuối kỳ	21,547,413,413	2,707,077,430	9,329,008,070	415,023,333	-	33,998,522,246

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	621,000,000	340,496,480	83,343,389	1,044,839,869
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Số cuối kỳ	621,000,000	340,496,480	83,343,389	1,044,839,869
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	276,653,588	83,343,389	359,996,977
Khấu hao trong kỳ	-	45,995,259	-	45,995,259
Số cuối kỳ	-	322,648,847	83,343,389	405,992,236
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	621,000,000	63,842,892	-	684,842,892
Số cuối kỳ	621,000,000	17,847,633	-	638,847,633

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí dở dang bao gồm xây dựng công trình: “Trung tâm Hino 3S” tại Chi nhánh Vĩnh Long và sửa chữa lớn nhà xưởng Tân Tạo.

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả ngắn hạn		
Phải trả nhà cung cấp xe và phụ tùng xe	55,364,995,189	125,775,437,925
Phải trả nhà cung cấp Cầu Tadano	7,947,805,320	9,122,773,800
Phải trả nhà cung cấp khác	4,957,433,403	11,798,263,748
b) Các khoản phải trả khác		
Phải trả tiền mua đất Vĩnh Long	4,924,658,261	4,864,875,191
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	73,194,892,173	151,561,350,664

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,100,880,823	9,537,719,753
Thuế Giá trị gia tăng	3,453,415,143	-
Thuế thu nhập cá nhân	241,986,878	217,342,960
Cộng	6,796,282,844	9,755,062,713

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2,242,025,418	3,223,017,143
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	257,328,697	211,922,743
Các khoản phải trả, phải nộp khác	874,296,283	1,729,447,378
Thủ lao HĐQT, và BKS	1,079,701,938	1,070,535,272
Cổ tức phải trả	30,698,500	211,111,750
b) Dài hạn	1,141,088,629	1,103,541,958
Trợ cấp mất việc làm	1,141,088,629	1,103,541,958

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất được qui định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay thông thường 4 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền thuê đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3,446,535,255	-	(10,680,000)	3,435,855,255
Quỹ phúc lợi	1,893,747,355	-	(80,143,000)	1,813,604,355
Cộng	5,340,282,610	-	(90,823,000)	5,249,459,610

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2016	80,000,000,000	127,446,126,191	207,446,126,191
Lợi nhuận trong kỳ	-	53,197,630,130	53,197,630,130
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ	40,000,000,000	(40,000,000,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền trong kỳ	-	(36,000,000,000)	(36,000,000,000)
Số dư đến ngày 31/12/2016	120,000,000,000	104,643,756,321	224,643,756,321

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẾN QUÝ 4/2016

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1,217,338,767,084	1,706,708,829,933
Doanh thu bán xe, hàng hóa	1,132,378,452,710	1,628,838,140,698
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán phụ tùng	72,048,453,601	59,170,747,618
Doanh thu khác	12,911,860,773	18,699,941,617
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(22,727,272)
Doanh thu thuần (*)	1,217,338,767,084	1,706,686,102,661

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng		
Giá vốn bán xe	1,034,847,121,863	1,452,265,544,283
Giá vốn dịch vụ và bán phụ tùng	52,760,791,512	41,910,825,324
Giá vốn khác	11,205,241,166	14,735,822,882
	1,098,813,154,541	1,508,912,192,489

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	808,466,633	1,087,780,487
Chênh lệch tỉ giá	163,457,276	8,560,514
Doanh thu khác	112,527,451	7,415,854
Cộng	1,084,451,360	1,103,756,855

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	794,867,982	92,736,295
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,113,684,084	772,909,736
Khác	372,357	4,729,902
Cộng	1,908,924,423	870,375,933

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8,538,043,386	7,748,243,116
Chi phí hoa hồng	8,397,518,302	9,490,371,716
Chi phí hội nghị khách hàng	1,361,143,716	4,764,891,160
Chi phí bảo lãnh ngân hàng	506,309,008	1,419,525,213
Chi phí công cụ dụng cụ	682,659,196	663,815,111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,006,640,266	336,454,484
Chi phí bảo hiểm (*)	9,993,887,874	2,663,710,761
Chi phí bán hàng khác	11,398,185,136	3,196,254,418
Chi phí giao xe	1,773,269,515	2,442,101,481
Chi phí công tác	999,374,611	671,089,087
Cộng	44,657,031,010	33,396,456,547

(*) Chi phí bảo hiểm vật chất và phát sinh đi kèm theo hợp đồng xe.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14,976,256,194	15,593,499,157
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	812,375,320	609,749,752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,607,944,285	2,012,035,176
Chi phí dự phòng	(1,883,838,948)	403,390,728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803,121,562	2,976,141,926
Chi phí bằng tiền khác	4,145,951,441	2,175,437,222
Cộng	21,461,809,854	23,770,253,961

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng từ nhà cung cấp	15,619,098,751	27,346,241,339
Tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	1,689,938,181	5,880,454,545
Thu khác	170,377,098	208,343,451
Cộng	17,479,414,030	33,435,039,335

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2016

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm : Các thành viên hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương BGD	2,739,250,000	2,126,271,601
Thù lao HĐQT & BKS	850,000,000	850,000,000
Cộng	3,589,250,000	2,976,271,601

- *Giao dịch với các bên liên quan khác*


Trong kỳ, Công ty chỉ có giao dịch với bên liên quan là Sumitomo Corporation.


Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Sumitomo Corporation như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	52,895,524,880	18,927,113,770

Giá mua hàng hóa của Sumitomo Corporation là giá thỏa thuận.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập bảng


Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng


Lã Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành





CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG

TRƯỜNG LONG

Trụ sở chính TP.HCM: Lô 46, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM – ĐT: 08 3754 3188 – Fax: 08 3754 31899
CN Vinh Long: Lô A11, A12, 1A, 1B, KCN Bình Minh, H. Bình Minh, T. Vĩnh Long – ĐT 070 3765555 – Fax: 070 3742244.

TP.HCM, Ngày 20 tháng 1 năm 2017

THƯ GIẢI TRÌNH

(Về việc lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 thay đổi so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2015)

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long giải trình về việc lợi nhuận sau thuế năm quý 4/2016 thay đổi so với quý 4/2015:

Lợi nhuận sau thuế quý 4/2016	Lợi nhuận sau thuế quý 4/2015	Thay đổi	%
8,156,198,274	33,373,617,775	(25,217,419,501)	(75.56%)

Lí do:

Sau hai năm sôi động do chính sách kiểm soát tải trọng của nhà nước, thị trường của dòng xe thương mại trở nên bảo hòa trong năm 2016. Cung cầu trong thị trường đã cân bằng, cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản dẫn đến lợi nhuận của các hãng xe giảm thấp so với các năm trước

Nhà phân phối Hino Motors Vietnam áp dụng một số thay đổi về chính sách giá bán, chính sách thưởng ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng của xe tải Hino trong năm 2016, số lượng xe Hino bán ra của Trường Long cũng giảm trong 6 tháng cuối năm

Trân trọng,



Ban Giám Đốc

P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

